TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
TẠP CHÍ KHOA HỌC
ĐẠI HỌC SÀI GÒN
ISSN 1859 - 3208
Số 81 (03/2022)

SAIGON UNIVERSITY
SCIENTIFIC JOURNAL
OF SAIGON UNIVERSITY
No. 81 (03/2022)

Email: tcdhsg@sgu.edu.vn ; Website: http://sj.sgu.edu.vn/

ĐẶC ĐIỂM TỪ, NGỮ TRONG VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT GIÁO DỤC ĐẠI HỌC SỬA ĐỔI NĂM 2018

The characteristics of words and phrases in legal documents guiding the implementation of the mended University Education Law in 2018

TS. Trần Thị Kim Tuyến
Trường Đại học Sài Gòn

TÓM TẮT

Bài viết này xem xét từ ngữ trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật từ bình diện ngữ nghĩa, được thể hiện trong cách lựa chọn sử dụng từ, ngữ của văn bản nhằm góp phần sáng tỏ hơn, phong phú hơn cho lý thuyết nghiên cứu. Chúng tôi đã tiến hành thu thập dữ liệu bằng cách khảo sát, thống kê, phân tích, tổng hợp những đặc điểm về từ ngữ trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018. Bài viết có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn không chỉ đối với lãnh đạo, quản lí nhà trường, người dạy, người học mà cả cha mẹ phụ huynh cũng hiểu được vấn đề rõ ràng hơn, yên tâm thi hành theo văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018 được nhanh chóng hơn, hiệu quả hơn. Ngoài ra, bài viết cũng góp phần làm phong phú tư liệu tham khảo, nghiên cứu cho giảng viên, học viên được đa dạng, phong phú hơn về lý thuyết của Ngôn ngữ học nói chung hay những vấn đề về đặc điểm ngôn ngữ trong các văn bản Luật nói riêng.

Từ khóa: *đặc điểm từ, ngữ, Luật Giáo dục Đại học sửa đổi, văn bản hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi*

ABSTRACT

The paper is considered from the semantic aspect expressed in the way of selecting words and phrases of the text to be used to contribute to a clearer and richer research theory. To carry out this study, we collected data by surveying, making statistics, analyzing, and synthesizing the characteristics of words and phrases in legal documents guiding the implementation of the amended University Education Law in 2018. The paper has theoretical and practical significance not only for school leaders, administrators, lecturers, learners, and parents to understand the content more clearly and to implement its guidance more effectively. In addition, the topic also contributes to enriching references and research for lecturers and learners to be more diverse and richer in the theory of linguistics in general and issues of linguistic characteristics in law documents in particular.

Keywords: *characteristics of words and phrases, amended University Education Law, legal documents guiding the implementation of the amended Law*

1. Dẫn nhập

Xã hội Việt Nam ngày càng phát triển kéo theo sự phát triển về kinh tế, văn hóa... nhất là về giáo dục. Đặc biệt, trong những nghiên cứu các công trình khoa học của các tác giả trước đây cho thấy các vấn đề liên quan đến những đặc điểm ngôn ngữ văn bản luật được tiếp cận và giải quyết dưới những góc độ khác nhau. Có thể nói, trong môi trường giáo dục hiện nay có rất nhiều vấn đề

Email: ttktuyen@sgu.edu.vn

liên quan đến văn bản hướng dẫn thi hành luật; quy chế, nội quy phù hợp, người dạy, người học cũng không ngừng phát huy tính tích cực của bản thân, học tập, rèn luyện cả tài và đức nhằm đáp ứng sự kì vọng, mong mỏi của gia đình và nhu cầu xã hội hiện nay. Để góp phần làm rõ hơn về đặc điểm ngôn ngữ trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018, chúng tôi khảo sát, thống kê, phân tích, tổng hợp những đặc điểm về từ ngữ được sử dụng trong văn bản này từ bình diện ngữ dụng và văn hóa thể hiện trong cách lựa chọn sử dụng chúng nhằm góp phần làm phong phú thêm lý thuyết nghiên cứu về đặc điểm ngôn ngữ học, cũng như nâng cao hiệu quả, rõ ràng và hoàn chỉnh hơn trong việc ban hành, xây dựng, hướng dẫn thi hành pháp luật.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề lý thuyết có liên quan đến bài viết

2.1.1. Khái niệm về ngôn ngữ

Theo *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học,* "Ngôn ngữ là một hệ thống kí hiệu phát sinh tự nhiên, phát triển có quy luật và mang đặc trưng xã hội. Đó là một hệ thống tồn tại trước hết không phải cho từng cá nhân mà cho một cộng đồng xã hội nhất định" (Nguyễn Như Ý, 1996, tr.153). Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp giữa con người với nhau. Ngôn ngữ có vai trò rất quan trọng trong truyền tải thông tin và thể hiện cảm xúc suy nghĩ của con người bằng nhiều hình thức khác nhau như âm thanh lời nói, chữ viết, cử chỉ điệu bộ, ánh mắt, kí hiệu... Tùy theo mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, từng khu vực, vùng miền, lĩnh vực khác nhau mà ngôn ngữ được sử dụng theo từng loại hình ngôn ngữ khác nhau.

2.1.2. Khái niệm về luật

Tác giả Nguyễn Thị Ly Na đã nêu rất đầy đủ những vấn đề về Luật trong luận án tiến sỹ của mình: "Trong tiếng Việt hiện nay, có 4 khái niệm cần được phân biệt: luật, luật pháp, pháp luật và pháp lý. "Luật" tương ứng với *Law* trong tiếng Anh và 律 (luật) trong tiếng Hán, *Loi* trong tiếng Pháp. Khác với "luật" (Loi) tiếng La-tin "ligare" nghĩa là trói buộc; "Luật pháp" hay "pháp luật" tương đương với hoặc *the Law*, 法 律 (pháp luật) và *Droit*. Khái niệm "pháp luật" "luật pháp" (droit) có xuất xứ Latin "directum" để chỉ sự ngay thẳng, sự chính trực. "Pháp lý" tương đương với Legal trong tiếng Anh, Juridique trong tiếng Pháp. Khái niệm "Pháp lý" (juridique) xuất phát từ tiếng La-tin "Jus" nghĩa là các quy định của pháp luật. Từ điển tiếng Việt định nghĩa: *Luật: (...) 3. Pháp luật (nói tắt). Văn bản do cơ quan quyền lực nhà nước tối cao ban hành, quy định những phép tắc trong quan hệ xã hội buộc mọi người phải tuân theo. Pháp luật: luật pháp. Những quy phạm hành vi do nhà nước ban hành mà mọi người dân buộc phải tuân theo, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội và bảo vệ trật tự xã hội (nói tổng quát). Pháp lý: lý luận, nguyên lý về pháp luật.* (*Từ điển tiếng Việt*, Hoàng Phê (chủ biên), 2010, tr.761 và tr.985). Từ đó, tác giả Nguyễn Thị Ly Na khẳng định "Như vậy, Luật, Pháp luật, Luật pháp trong tiếng Việt chỉ là biến thể của một từ. Và trong các giáo trình, từ điển chuyên ngành Luật học thì thuật ngữ Pháp luật được lựa chọn để sử dụng chính thức. Còn Pháp lý lại là hệ thống lý luận, những nguyên lý hoạt động về pháp luật. Nếu như pháp luật là một cái khung thì pháp lý chính là những cơ sở khoa học vận hành trong cái khung đó" (Nguyễn Thị Ly Na, 2019, tr.30).

2.1.3. Khái niệm về ngôn ngữ pháp luật

Năm 2004, trong tác phẩm *Chính sách ngôn ngữ và Lập pháp ngôn ngữ,* tác giả Nguyễn Văn Khang khẳng định: "Ngôn ngữ

pháp luật thuộc nội dung nghiên cứu của ngôn ngữ học pháp luật. Ngôn ngữ học pháp luật là một phân ngành khoa học liên ngành giữa khoa học pháp lý và ngôn ngữ học. Đối tượng nghiên cứu của nó là ngôn ngữ được sử dụng trong pháp luật. Ngôn ngữ học pháp luật được hình thành trên cơ sở sự phát triển của khoa học ngôn ngữ liên ngành như ngữ dụng học, ngôn ngữ học tâm lí, ngôn ngữ học xã hội, v.v. (Nguyễn Thị Ly Na, 2019, dẫn theo, tr.30).

2.1.4. Khái niệm về văn bản

Tác giả Diệp Quang Ban đã cho rằng có nhiều định nghĩa khác nhau về văn bản (VB) và trong đó có khoảng 15 định nghĩa có tính xác thực cao, nhưng theo tác giả này, "định nghĩa của Asher có thể coi là có tính khái quát cao, bao gồm được nhiều quan niệm về văn bản. Asher cho rằng văn bản là (1) một quãng viết hay một phát ngôn, lớn hoặc nhỏ, mà do cấu trúc, bài viết - chủ đề… của nó, hình thành nên một đơn vị, loại như một truyện kể, một bài thơ, một đơn thuốc, một biển chỉ đường…(2) văn học. Trước hết được coi như một tài liệu viết, thường đồng nghĩa với sách. (…) (3) trong phân tích diễn ngôn, đôi khi được đánh đồng với ngôn ngữ viết, còn diễn ngôn thì được dành cho cả ngôn ngữ nói, hoặc diễn ngôn được dùng bao gồm cả văn bản" (Nguyễn Thị Ly Na, 2019, dẫn theo, tr.27). Theo khảo sát của chúng tôi, có rất nhiều loại văn bản khác nhau như văn bản luật, "văn bản quản lý", "văn bản quản lý nhà nước", "văn bản quy phạm pháp luật"… Văn bản luật có hai hình thức là Hiến pháp và các đạo luật. Ngoài ra, còn có các văn bản dưới luật. Đây là những văn bản do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục và hình thức được luật quy định và có hiệu lực pháp lý thấp hơn các văn bản luật.

2.2. Những đặc điểm về từ, ngữ trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018

2.2.1. Đặc điểm về từ trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018

Theo *Từ điển giải thích thuật ngữ Ngôn ngữ học*, tác giả Nguyễn Như Ý đã nêu "Từ là đơn vị cấu trúc - ngữ nghĩa cơ bản của ngôn ngữ dùng để gọi tên các sự vật và thuộc tính của chúng, các hiện tượng, các quan hệ của thực tiễn, là một tổng thể các dấu hiệu ngữ âm, ngữ nghĩa và ngữ pháp đặc trưng cho từng ngôn ngữ. Các dấu hiệu đặc trưng của từ là tính hoàn chỉnh, tính có thể phân chia thành các bộ phận và khả năng tái hiện lại dễ dàng trong lời nói" (Nguyễn Như Ý, 1996, tr.329). Có rất nhiều tác giả đã nghiên cứu về từ như Nguyễn Tài Cẩn, Mai Ngọc Chừ, Đỗ Hữu Châu, Nguyễn Văn Tu, Đái Xuân Ninh, Hồ Lê, Nguyễn Thiện Giáp, Đỗ Thị Kim Liên… và các tác giả đều khẳng định từ bao gồm các nhóm từ loại thực (thực từ), từ loại hư (hư từ), v.v.

Từ khảo sát của chúng tôi, đặc điểm về từ trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018 được thể hiện qua các loại từ như sau:

a. Từ loại thực (thực từ)

i. Danh từ

Theo *Từ điển giải thích thuật ngữ Ngôn ngữ học*, tác giả Nguyễn Như Ý đã nêu "Danh từ là từ loại có ý nghĩa phạm trù 'sự vật', có các phạm trù ngữ pháp giống, số, cách (được thể hiện không giống nhau trong các ngôn ngữ khác nhau), thực hiện các chức năng ngữ pháp khác nhau trong câu như chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ, định ngữ" (Nguyễn Như Ý, 1996, tr.67). Trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018 (VB) có sử dụng các danh từ như sau:

Quy định xuất hiện 181 lần trong VB nhằm nêu rõ các nội dung được theo những quy định của ai như ví dụ (chúng tôi ghi chú các ví dụ được trích dẫn trong VB theo kí hiệu tăng dần từ 1-n):

VD1: "b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo **quy định** tại Điều này, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.4).

Quy chế xuất hiện 42 lần trong VB nhằm nêu rõ các nội dung được theo những quy định của ai. Ví dụ:

VD2: "c) Dự thảo **quy chế** tổ chức và hoạt động; dự thảo **quy chế** tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận;" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.3).

Pháp luật xuất hiện 20 lần trong VB nhằm khẳng định rõ chủ thể của những quy định. Ví dụ:

VD3: "Đồng thời, tên của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài phải thực hiện theo quy định của **pháp luật** hiện hành về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục đại học" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.2).

Chính phủ xuất hiện 18 lần trong VB nhằm nêu rõ chủ thể quy định, quyết định các nội dung trong VB.

VD4: "**Chính phủ** ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.1).

Và đặc biệt là, danh từ riêng chỉ chức danh nghề nghiệp như *Thủ tướng Chính phủ* xuất hiện 6 lần trong VB. Ví dụ:

VD5: "b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều này, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ, trình **Thủ tướng Chính phủ** quyết định;" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.3).

Đơn vị xuất hiện 13 lần trong VB nhằm nêu rõ các nội dung được theo những quy định của ai. Trong đó, cụm từ *đơn vị trực thuộc* xuất hiện 2 lần trong VB nhằm nói rõ các phòng ban cấp dưới của một cơ sở trường đại học nào đó. Ví dụ:

VD6: "4. Thành lập trường là **đơn vị đào tạo** thuộc cơ sở giáo dục đại học theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học được quy định như sau:" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.5).

Bên cạnh đó, danh từ *đơn vị* cũng kết hợp với danh từ *thuộc, trực thuộc* để tạo thành cụm từ *đơn vị thuộc, trực thuộc* có xuất hiện trong VB. Ví dụ:

VD7: "b) Có **đơn vị thuộc, trực thuộc** nghiên cứu khoa học cơ bản, nghiên cứu phát triển công nghệ nguồn;" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.16).

ii. Động từ

Theo *Từ điển giải thích thuật ngữ Ngôn ngữ học,* tác giả Nguyễn Như Ý đã nêu "Động từ là từ loại thực từ, biểu thị hành động hoặc trạng thái như một quá trình…" (Nguyễn Như Ý, 1996, tr.95). Trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục Đại học sửa đổi (VB) có sử dụng các động từ như sau:

Thực hiện có xuất hiện 80 lần trong VB nhằm khẳng định mục đích của VB là điều chỉnh nội dung trong VB. Ví dụ:

VD8: "g) **Thực hiện** các quyền tự chủ khác về học thuật và hoạt động chuyên môn phù hợp với quy định của pháp luật." (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.20).

Có đã xuất hiện 95 lần trong VB nhằm nêu rõ sự sở hữu tồn tại các ý nghĩa nội dung trong VB. Ví dụ:

VD9: "a) Điều kiện thành lập: **Có** ít nhất 05 ngành thuộc cùng một lĩnh vực đào tạo từ trình độ đại học trở lên, trong đó **có** ít nhất 03 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, ít nhất 01 ngành đào tạo đến trình độ tiến sĩ;" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.5).

Sửa đổi, bổ sung có xuất hiện 33 lần trong VB nhằm khẳng định mục đích của VB là điều chỉnh nội dung trong VB. Ví dụ:

VD10: "Cơ sở giáo dục đại học chưa đáp ứng điều kiện theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 của Luật **sửa đổi, bổ sung** một số điều của Luật Giáo dục đại học thì thực hiện mở ngành, liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định của pháp luật." (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.20).

Để xuất hiện 20 lần trong VB nhằm nêu rõ mục đích mà nội dung trong VB hướng tới. Ví dụ:

VD11: "c) Hội đồng trường hoặc hội đồng đại học có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và ra quyết định thành lập trường thuộc cơ sở giáo dục đại học và gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo **để** báo cáo;" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.5).

Là xuất hiện 19 lần trong VB nhằm giải thích rõ nội dung, ý nghĩa của VB. Ví dụ:

VD12: "Đối với trường đại học **là** thành viên của đại học, tên giao dịch quốc tế bằng tiếng nước ngoài do đại học quy định." (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.2).

Bao gồm xuất hiện 5 lần trong VB nhằm chỉ rõ nội dung chứa đựng bên trong là những gì. Ví dụ:

VD13: "c) Tên riêng **bao gồm** tên địa phương, tên danh nhân văn hóa, lịch sử, tên cá nhân, tổ chức (nếu có) và các tên riêng khác." (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.2).

iii. Số từ

Theo *Từ điển giải thích thuật ngữ Ngôn ngữ học,* tác giả Nguyễn Như Ý đã nêu "Số từ là từ loại thực từ, biểu thị các ý nghĩa phạm trù được thể hiện bằng số, số lượng, đơn vị đo lường và các phạm trù tư duy có liên quan đến số lượng trình tự khi đếm…" (Nguyễn Như Ý, 1996, tr. 251). Trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018 (VB) có sử dụng các số từ như sau:

Các xuất hiện 148 lần trong VB nhưng đặc biệt số từ *các* không đứng một mình mà được xuất hiện dưới dạng cụm ngữ danh từ *các + danh từ* để chỉ số lượng đối tượng được nhắc đến trong nội dung của VB. Ví dụ:

VD14: "Hội đồng trường của nhiệm kỳ mới quyết định nhân sự hiệu trưởng và thực hiện **các quyền**, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức, hoạt động của trường đại học" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.8).

Tổng số xuất hiện 10 lần trong VB và *ít nhất* có xuất hiện 20 lần trong VB để chỉ số lượng đối tượng được nhắc đến trong nội dung của VB. Ví dụ:

VD15: "b) Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện **ít nhất** 75% **tổng số** vốn góp đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục chuyển sang cơ sở giáo dục đại học hoạt động không vì lợi nhuận," (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.3).

Toàn thể xuất hiện 7 lần trong VB và đặc biệt có cụm ngữ danh từ *hội nghị toàn thể,* nhằm nêu rõ số lượng đối tượng được nhắc đến trong nội dung của VB. Ví dụ:

VD16: "Việc tổ chức giới thiệu các thành viên bầu, sử dụng hội nghị **toàn thể** hoặc hội nghị đại biểu của trường đại học…" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.8).

Tất cả xuất hiện 4 lần trong VB nhằm nêu rõ số lượng toàn bộ đối tượng được nhắc đến trong nội dung của VB. Ví dụ:

VD17: "Nghị quyết của hội nghị phải được số thành viên góp vốn đại diện ít nhất

65% tổng số vốn góp của **tất cả** thành viên dự hội nghị thông qua bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín, phải được gửi đến **tất cả** thành viên góp vốn trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua." (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.15).

Qua khảo sát từ loại thực từ, chúng tôi trong trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018 có sự lặp từ nhiều lần các danh từ như *quy định, quy chế, pháp luật, chính phủ, đơn vị*; các động từ như *thực hiện, có, bổ sung, sửa đổi, để, là, bao gồm*; các số từ như *các, tổng số, toàn thể, tất cả*.

b. Từ loại hư (hư từ)

i. Kết từ - liên từ

Theo *Từ điển giải thích thuật ngữ Ngôn ngữ học,* "Kết từ là hư từ, đảm nhận chức năng cú pháp nối kết các từ, cụm từ hoặc câu, còn gọi là từ kết, từ nối. Đó là các liên từ và giới từ theo cách gọi truyền thống" (Nguyễn Như Ý, 1996, tr.126). Trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018 (VB) có sử dụng các kết từ - liên từ như sau:

Và xuất hiện 268 lần trong VB nhằm nối kết các nội dung các ý của câu trong VB. Ví dụ:

VD18: "6. Thủ tục quyết định nhân sự hiệu trưởng **và** công nhận hiệu trưởng như sau:" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.11).

Với xuất hiện 67 lần trong VB trong đó có *đối với* xuất hiện 28 lần trong VB nhằm chỉ rõ nội dung kèm theo khi thực hiện các nội dung trong VB. Ví dụ:

VD19: "2. Tên giao dịch quốc tế của cơ sở giáo dục đại học được dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài, phải sử dụng các thuật ngữ bằng tiếng nước ngoài phù hợp **với** thông lệ quốc tế. **Đối với** trường đại học là thành viên của đại học, tên giao dịch quốc tế bằng tiếng nước ngoài do đại học quy định." (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.2).

Vì xuất hiện 24 lần trong VB và được kếp hợp thành cụm từ *không vì* nhằm giải thích rõ nội dung được nói đến trong VB. Ví dụ:

VD20: "c) Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động **không vì** lợi nhuận;" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr. 3).

Như sau xuất hiện 17 lần trong VB nhằm nêu rõ những nội dung được liệt kê, kể rõ ra những vấn đề gì và sau nó thường là dấu hai chấm (:). Ví dụ:

VD21: "Trường hợp đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà nhiệm kỳ của hội đồng trường còn từ 6 tháng trở lên thì thực hiện **như sau**:" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.7).

Hoặc xuất hiện 7 lần trong VB nhằm chỉ rõ phương án chọn lựa phù hợp của đối tượng thực hiện các nội dung trong VB. Ví dụ:

VD22: "3. Trường hợp thành lập mới **hoặc** đổi tên, tên tiếng Việt của cơ sở giáo dục đại học kèm tên giao dịch quốc tế, tên viết tắt được xác định trong đề án thành lập **hoặc** đề án đổi tên cơ sở giáo dục đại học" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.2).

Mà xuất hiện 4 lần trong VB nhằm khẳng định rõ nội dung được nói đến trong VB. Ví dụ:

VD23: "a) Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường và miễn nhiệm thành viên hội đồng trường được thực hiện trong các trường hợp sau: … không đủ sức khỏe để đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ làm việc quá 6 tháng **mà** khả năng lao động chưa hồi phục" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.10).

ii. Giới từ

Theo *Từ điển giải thích thuật ngữ Ngôn*

ngữ học, "Giới từ là từ loại có ý nghĩa phạm trù đặc trưng là biểu thị quan hệ của đối tượng với đối tượng, hiện tượng, cảnh huống" (Nguyễn Như Ý, 1996, tr.104). Trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018 (VB) có sử dụng các giới từ như sau:

Trong xuất hiện 79 lần trong VB nói rõ nội dung giới hạn trong một phạm vi nào đó trong VB. Ví dụ:

VD24: "Đồng thời, tên của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về hợp tác, đầu tư của nước ngoài **trong** lĩnh vực giáo dục đại học." (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.2).

Về xuất hiện 69 lần trong VB nhằm khẳng định rõ nội dung được nói đến điều gì trong VB. Ví dụ:

VD25: "đ) Đánh giá tác động của việc chuyển đổi **về** nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý;" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.3).

Trên xuất hiện 19 lần trong VB nhằm chỉ rõ phạm vi của nội dung trong VB. Ví dụ:

VD26: "d) Trong 3 năm gần nhất, cơ sở giáo dục đại học công bố trung bình mỗi năm từ 100 bài báo trở lên và đạt tỷ lệ trung bình một giảng viên cơ hữu công bố mỗi năm từ 0,3 bài trở lên **trên** các tạp chí khoa học có uy tín **trên** thế giới." (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.16).

Trước xuất hiện 11 lần trong VB nhằm chỉ rõ phạm vi của các nội dung trong VB. Ví dụ:

VD27: "e) Hằng năm, **trước** ngày 31 tháng 12, gửi báo cáo đánh giá kết quả thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trong năm," (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.19).

Giữa xuất hiện 4 lần trong VB nhằm chỉ rõ phạm vi của nội dung trong VB. Ví dụ:

VD28: "1. Cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu gắn kết chặt chẽ **giữa** đào tạo với hoạt động nghiên cứu khoa học, đạt các tiêu chí sau:" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.15).

Dưới xuất hiện 1 lần trong VB nhằm chỉ rõ phạm vi của nội dung trong VB. Ví dụ:

VD29: "Trường hợp đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà nhiệm kỳ của hội đồng trường còn **dưới** 6 tháng thì hội đồng trường hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ;" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr. 7).

Qua khảo sát từ loại hư từ trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018 cũng có sự lặp từ nhiều lần các liên từ - kết từ như *và, với, vì, như sau, hoặc, mà*; các giới từ như *trong, về, trên, trước, giữa, dưới*.

2.2.2. Đặc điểm về ngữ trong Văn bản Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học năm 2018

Theo *Từ điển giải thích thuật ngữ Ngôn ngữ học*, "Ngữ là kết hợp hai hoặc nhiều thực từ, diễn đạt một khái niệm thống nhất và là tên gọi phức tạp biểu thị các hiện tượng của thực tại khách quan… Ngữ là phương tiện định danh, biểu thị sự vật, hiện tượng quá trình, phẩm chất. Ý nghĩa ngữ pháp của ngữ được tạo nên bằng quan hệ nảy sinh giữa các thực từ kết hợp lại trên cơ sở của một kiểu liên kết nào đó giữa chúng. Ngữ thường được chia làm hai kiểu: ngữ tự do và ngữ không tự do (ngữ cố định)" (Nguyễn Như Ý, 1996, tr.176). Theo khảo sát của chúng tôi, trong Văn bản Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học năm 2018, các ngữ được sử dụng như sau:

Giáo dục Đại học xuất hiện 113 lần trong đó có cụm *cơ sở giáo dục Đại học* xuất hiện 81 lần trong VB nhằm khẳng định nhất quán về đối tượng mà văn bản hướng tới.

Ví dụ:

VD30: "2. Căn cứ vào các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này và mục tiêu, sứ mạng, đề xuất của **cơ sở giáo dục đại học** với các minh chứng kèm theo, tổ chức kiểm định chất lượng **giáo dục đại học** kiểm định…" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.17).

Trường đại học xuất hiện 66 lần trong VB nhằm chỉ rõ đối tượng, đơn vị tiếp nhận nội dung VB. Ví dụ:

VD31: "a) **Trường đại học** đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp;" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.4).

Điều + số và *điều* + đại từ chỉ định *này* xuất hiện 107 lần trong VB nhằm chỉ rõ thứ tự, vị trí của nội dung cần điều chỉnh của VB. Ví dụ:

VD32: "c) Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo đúng quy định tại **Điều này**, trong thời hạn 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi văn bản thông báo cho các trường đại học và nêu rõ lý do." (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.6).

Quy chế tổ chức xuất hiện 27 lần, trong đó, *quy chế tổ chức và hoạt động* xuất hiện 23 lần trong VB nhằm khẳng định những điều định ra để các đối tượng thực hiện theo đó mà làm. Ví dụ:

VD33: "c) Dự thảo **quy chế tổ chức và hoạt động**; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận;" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.3).

Trách nhiệm xuất hiện 18 lần trong VB, trong đó, danh từ *trách nhiệm* + động từ *giải trình* xuất hiện 4 lần trong VB như ví dụ:

VD34: "Điều 13. Quyền tự chủ và **trách nhiệm giải trình** của cơ sở giáo dục đại học" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.19).

Bên cạnh đó, động từ *có/chịu/thực hiện* + *trách nhiệm* để tạo thành ngữ động từ *có trách nhiệm* xuất hiện 6 lần trong VB, *chịu trách nhiệm* xuất hiện 4 lần trong VB và *thực hiện trách nhiệm* xuất hiện 1 lần trong VB. Ví dụ:

VD35: "b) **Chịu trách nhiệm** trước người học, chủ sở hữu, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền" (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.22).

Khoa học và công nghệ xuất hiện 11 lần trong VB nhằm nêu rõ những ứng dụng các phương tiện hiện đại như hiện nay. Ví dụ:

VD36: "3. Cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu được ưu tiên thực hiện nhiệm vụ **khoa học và công nghệ**." (VB số 99/2019/NĐ-CP, tr.17).

Qua khảo sát các cụm từ (ngữ), chúng tôi trong trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018 cũng có sự lặp ngữ nhiều lần như *Giáo dục Đại học, trường đại học, điều này, điều + số, quy chế tổ chức, trách nhiệm, khoa học và công nghệ.*

Từ những vấn đề trên cho thấy, đặc điểm về từ ngữ được sử dụng trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018 có sử dụng lặp từ, lặp ngữ nhiều lần nhưng các từ, ngữ này đều rất rõ ràng, dễ hiểu, không gây lủng củng, hiểu sai.

3. Kết luận

Nhìn chung, từ cơ sở lí thuyết, thực tiễn về các khái niệm lý thuyết cơ bản về đặc điểm ngôn ngữ, về văn bản, văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018 ở Việt Nam, chúng tôi đã chỉ ra những đặc điểm ngôn ngữ cơ bản về từ ngữ thuộc hai nhóm từ thực từ, hư từ và cụm từ (ngữ) được sử dụng trong văn bản nhằm khẳng định, chỉ rõ các mục đích, nội dung cần hướng tới của văn bản Luật này. Còn về đặc điểm từ ngữ trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm

2018 đều có thể hiện nhiều nét riêng biệt, có tính cập nhật phù hợp với tình hình phát triển hội nhập của đất nước; có nhiều lặp từ, ngữ nhưng không rườm rà, lủng củng và các câu trong văn bản đều chính xác, gọn gàng dễ hiểu theo sự chỉ dẫn mạch lạc, rõ ràng trong cách sử dụng và có thể hiện được tính đại chúng, gần gũi với đời sống nhân dân phù hợp với tình hình phát triển và hội nhập của đất nước.

Chú thích

Tất cả các trích dẫn ví dụ là nguyên văn trong Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (VB số 99/2019/NĐ-CP).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Diệp Quang Ban (1998). *Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*. NXB Giáo dục Hà Nội.

Diệp Quang Ban (2000). *Ngữ pháp tiếng Việt*. NXB Giáo dục Hà Nội.

Đỗ Hữu Châu (1993). *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2, *Ngữ Dụng học*. NXB Giáo dục.

Vũ Thị Sao Chi, Phạm Thị Ninh (2012), "Những vấn đề sử dụng câu trong văn bản hành chính tiếng Việt". Tạp chí *Ngôn ngữ,* số 10.

Nguyễn Đức Dân (1996). *Lôgic và tiếng Việt*. NXB Giáo dục Hà Nội.

Nguyễn Thị Ly Na (2012). *Đặc điểm ngôn ngữ trong luật Giáo dục của Việt Nam*. Bài viết cấp Viện. Viện Ngôn ngữ học.

Nguyễn Thị Ly Na (2013). *Đặc điểm ngôn ngữ được sử dụng trong luật Xuất bản và Báo chí ở Việt Nam*. Bài viết cấp cơ sở Viện Ngôn ngữ học.

Nguyễn Thị Ly Na (2015). "Biến đổi từ ngữ quyền con người quyền công dân trong các văn bản Hiến pháp của Việt Nam". Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 1.

Nguyễn Thị Ly Na (2019), "Đặc điểm ngôn ngữ pháp luật trong các bản Hiến pháp của Việt Nam". Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội.

Phan Thị Thảo (2006). *Khảo sát đặc điểm ngôn ngữ pháp luật tiếng Việt trong bộ luật Dân sự*. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG, Hà Nội.

Lê Hùng Tiến (1999), "Một số đặc điểm của ngôn ngữ văn bản luật pháp tiếng Việt (có so sánh đối chiếu với tiếng Anh và ứng dụng trong dịch Việt - Anh)", Luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1996). *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*. NXB Giáo dục, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 15/10/2020 Biên tập xong: 15/03/2022 Duyệt đăng: 20/03/2022